

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Đình Vọng	Chủ tịch
Ông Phan Trường Sơn	Ủy viên
Ông Vương Đăng Phương	Ủy viên
Bà Lê Thị Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Trường Sơn	Giám đốc
Ông Vương Đăng Phương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Phó Giám đốc
Ông Trần Vũ Anh	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trịnh Duy Hoàn	Trưởng ban
Ông Đoàn Trung Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc
Phan Trường Sơn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2011



Số: 1124 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 được lập ngày 02 tháng 08 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2011

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		722.016.876.629	835.534.887.624
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	21.921.642.225	23.600.173.289
111	1. Tiền		21.921.642.225	10.000.173.289
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	13.600.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	4.500.000.000	1.400.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		4.500.000.000	1.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		157.209.485.572	208.198.481.282
131	1. Phải thu của khách hàng		69.272.699.044	151.317.311.569
132	2. Trả trước cho người bán		46.020.721.014	17.574.751.621
135	5. Các khoản phải thu khác	5	41.916.065.514	39.306.418.092
140	IV. Hàng tồn kho	6	486.171.314.697	554.193.652.941
141	1. Hàng tồn kho		486.171.314.697	554.193.652.941
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		52.214.434.135	48.142.580.112
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	548.354.155	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	51.666.079.980	48.142.580.112
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.044.648.726	14.904.323.896
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		856.506.881	856.506.881
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		856.506.881	856.506.881
220	II. Tài sản cố định		2.926.111.346	3.485.306.973
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.926.111.346	3.485.306.973
222	- Nguyên giá		12.217.362.656	12.206.862.656
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.291.251.310)	(8.721.555.683)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	21.790.000.000	7.610.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		9.180.000.000	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		12.610.000.000	7.610.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.472.030.499	2.952.510.042
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.274.398.658	2.407.146.722
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	23.2	186.631.841	534.363.320
268	3. Tài sản dài hạn khác		11.000.000	11.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		749.061.525.355	850.439.211.520

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		615.906.357.739	710.499.728.849
310	I. Nợ ngắn hạn		615.342.179.858	708.672.338.813
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	128.261.885.000	160.509.883.400
312	2. Phải trả người bán		142.724.149.304	242.420.764.070
313	3. Người mua trả tiền trước		80.882.831.770	75.567.193.123
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9.591.424.961	8.658.755.969
316	6. Chi phí phải trả	14	54.780.990.111	54.266.571.094
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	197.652.341.677	168.006.081.635
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.448.557.035	(756.910.478)
330	II. Nợ dài hạn		564.177.881	1.827.390.036
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		564.177.881	577.693.853
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	1.249.696.183
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		128.821.728.844	135.911.693.486
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	128.821.728.844	135.911.693.486
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99.999.440.000	99.999.440.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		9.615.503.784	2.035.928.453
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.126.633.418	4.586.345.126
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.080.151.642	29.289.979.907
439	C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ		4.333.438.772	4.027.789.185
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>749.061.525.355</u>	<u>850.439.211.520</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Euro (EUR)		220,22	369,13

Lê Thị Lan



Lê Thị Lan
Kế toán trưởng

Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	284.189.573.602
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	55.388.416
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	284.134.185.186
11	4. Giá vốn hàng bán	20	247.859.200.490
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.274.984.696
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.220.530.963
22	7. Chi phí tài chính	22	500.000.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		16.085.760.552
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		21.909.755.107
31	11. Thu nhập khác		278.471.850
32	12. Chi phí khác		110.298.545
40	13. Lợi nhuận khác		168.173.305
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.077.928.412
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.1	5.175.459.382
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	23.2	280.273.555
	Lợi nhuận phải chia cho đối tác		413.919.749
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16.208.275.726
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		162.183.477
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		16.046.092.249
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.605


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng




Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		420.605.184.487
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(307.493.165.223)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(38.925.643.992)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(13.611.038.339)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.450.650.487)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14.076.789.457
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.450.467.530)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		53.751.008.373
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.500.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(34.200.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(14.180.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		408.958.963
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.681.541.037)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		146.250.985.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(178.498.983.400)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(37.747.998.400)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.678.531.064)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		23.600.173.289
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	21.921.642.225


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng




Phan Trường Sơn
Giám đốc

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 99.999.440.000 VND. Tương đương 9.999.944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty tại Miền Nam	Số 26 Trường Sa, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP HCM
- Các đội xây dựng	Tại trụ sở Công ty

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	B4-TT13, Khu đô thị mới Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2	Số nhà 15, Lô 11, Khu đô thị mới Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3	Số nhà 01, Lô 14, Khu đô thị mới Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội;
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Đầu tư các dự án phát triển nhà và đô thị;

- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2 được thành lập ngày 09/04/2011 và Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3 được thành lập ngày 19/04/2011. Do mới thành lập, nên tại thời điểm 30/06/2011 cả hai công ty chưa lập báo cáo tài chính, vì vậy Báo cáo tài chính hợp nhất chưa hợp nhất số liệu của hai công ty này, giá trị các khoản đầu tư vào hai công ty này được trình bày theo giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc Công ty nhận thấy việc chưa hợp nhất hai công ty này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/06/2011.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi thông qua nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác*Hợp đồng ủy thác đầu tư*

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

Doanh thu và chi phí từ hoạt động đi vay và cho các đội vay lại vốn vay

Doanh thu từ hoạt động cho các đội vay vốn và chi phí đi vay được hạch toán bù trừ phát sinh trên chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí từ hoạt động cho các đội thuê máy

Doanh thu và giá vốn của hoạt động cho thuê máy móc thiết bị được hạch toán bù trừ phát sinh trên chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.113.396.577	5.861.303.288
Tiền gửi ngân hàng	18.808.245.648	4.138.870.001
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	13.600.000.000
	<u>21.921.642.225</u>	<u>23.600.173.289</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng)	4.500.000.000	1.400.000.000
	<u>4.500.000.000</u>	<u>1.400.000.000</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu về kinh phí công đoàn	27.605.736	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	2.442.454.079	-
Phải thu về tiền ủy thác của nhà đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải thu về chi phí Ban điều hành Dự án Bắc Ninh	2.545.147.973	2.744.676.053
Phải thu về các đội xây lắp	2.290.276.150	2.290.276.150
Phải thu khác	2.127.581.576	1.788.465.889
	<u>41.916.065.514</u>	<u>39.306.418.092</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	486.171.314.697	554.193.652.941
	<u>486.171.314.697</u>	<u>554.193.652.941</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	548.354.155	-
	<u>548.354.155</u>	<u>-</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	51.666.079.980	48.142.580.112
	<u>51.666.079.980</u>	<u>48.142.580.112</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	6.363.470.325	4.752.042.752	1.068.622.306	22.727.273	12.206.862.656
Số tăng trong kỳ	-	-	10.500.000	-	10.500.000
- Mua sắm mới	-	-	10.500.000	-	10.500.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6.363.470.325	4.752.042.752	1.079.122.306	22.727.273	12.217.362.656
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	5.448.613.773	2.512.998.892	737.215.745	22.727.273	8.721.555.683
Số tăng trong kỳ	143.080.996	324.370.395	102.244.236	-	569.695.627
- Trích khấu hao	143.080.996	324.370.395	102.244.236	-	569.695.627
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.591.694.769	2.837.369.287	839.459.981	22.727.273	9.291.251.310
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu kỳ	914.856.552	2.239.043.860	331.406.561	-	3.485.306.973
Cuối kỳ	771.775.556	1.914.673.465	239.662.325	-	2.926.111.346

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	9.180.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2	4.080.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3	5.100.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	12.610.000.000	7.610.000.000
	21.790.000.000	7.610.000.000

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây lắp, kinh doanh bất động sản

Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.2 được thành lập ngày 09/04/2011, Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3 được thành lập ngày 19/04/2011. Do mới thành lập nên tại thời điểm 30/06/2011 cả hai công ty chưa lập báo cáo tài chính, vì vậy Báo cáo tài chính hợp nhất chưa hợp nhất số liệu của hai công ty này, giá trị các khoản đầu tư vào hai công ty này được trình bày theo giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Nikko ⁽¹⁾	2.610.000.000	2.610.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD8 ⁽²⁾	5.000.000.000	-
Góp vốn thành lập Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng ⁽³⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
	12.610.000.000	7.610.000.000

(1) Đầu tư mua cổ phiếu để trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Nikko theo hợp đồng đầu tư và hợp tác kinh doanh số 35/HĐĐT\$HTKD ngày 15/06/2007. Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ là 214.200 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 3 năm.

(2) Góp vốn thành lập với vai trò là cổ đông sáng lập, số lượng cổ phần nắm giữ là 500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

(3) Góp vốn thành lập với vai trò là cổ đông sáng lập, số lượng cổ phần nắm giữ là 500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Công ty CP Đầu tư Phát triển Kiến Hưng đang trong quá trình đầu tư thực hiện dự án, chưa phát sinh doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thương hiệu HUD	138.750.000	277.500.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.135.648.658	2.129.646.722
	1.274.398.658	2.407.146.722

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	128.261.885.000	160.509.883.400
- Vay ngân hàng	88.851.120.000	111.499.129.400
- Vay cá nhân	39.410.765.000	49.010.754.000
	128.261.885.000	160.509.883.400

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽¹⁾	85.095.776.000	102.524.118.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô ⁽²⁾	3.755.344.000	8.975.011.400
Vay cá nhân ⁽³⁾	39.410.765.000	49.010.754.000
	128.261.885.000	160.509.883.400

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTDHM ngày 15/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 100 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hạn mức đến hết ngày 30/06/2011; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế ký kết với các đối tác mà công ty là người thụ hưởng, đảm bảo bằng tài sản của công ty và tài sản của bên thứ ba;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2011 là 83.795.776.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTDHM ngày 03/06/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hạn mức đến hết ngày 30/06/2012; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng kỳ, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2011 là 21%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố tài sản theo các Hợp đồng bảo đảm tiền vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2011 là 1.300.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12410/001/NHHM ngày 28/10/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 15 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; thời hạn vay của các khoản vay theo từng khế ước nhận nợ không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: theo cơ chế điều hành lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được xác định trong từng khế ước nhận nợ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (công ty mẹ);
- + Dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2011 là 3.755.344.000 đồng.

(3) Các khoản vay cá nhân với lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng Công ty giao dịch tại từng thời điểm, thời hạn cho vay là 06 tháng, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	6.305.028.208	3.661.393.912
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.204.974.733	4.846.164.351
Thuế Thu nhập cá nhân	81.422.020	151.197.706
	9.591.424.961	8.658.755.969

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí Dự án CT18 Việt Hưng, Hà Nội	53.230.734.894	53.978.571.094
Trích trước chi phí Dự án LK6 Đông Sơn, Thanh Hóa	1.550.255.217	-
Trích trước chi phí lãi vay	-	288.000.000
	54.780.990.111	54.266.571.094

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC .

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.324.977	21.354.389
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.155.689.131	1.155.689.131
Phải trả cổ tức	12.911.238.822	1.115
Phải trả các đội	87.407.130.818	109.691.331.058
Phải trả tổ chức, cá nhân tiền nhận ủy thác đầu tư	32.483.000.000	32.483.000.000
Phải trả đối tác về hạ tầng dự án Việt Hưng	9.670.861.068	9.670.861.068
Phải trả các bên góp vốn đầu tư xây dựng Dự án Kiến Hưng	109.127.636	109.127.636
Phải trả đối tác tiền nộp quỹ xúc tiến đầu tư Dự án Hanel - HUD3	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả đối tác tiền góp vốn dự án KĐT Đông Sơn, Thanh Hóa	10.431.000.000	5.215.000.000
Phải trả đối tác tiền lãi thực hiện dự án 123 Tô Hiệu, Hà Đông	975.541.150	561.621.401
Phải trả tiền thuê chuyển nhượng bất động sản	465.906.560	465.906.560
Phải trả ban an toàn chung Công ty	195.474.619	255.870.337
Phải trả tiền lãi vay vốn	5.300.714.338	4.811.389.312
Phải trả tiền ký quỹ khách hàng mua căn hộ T1-T10 Việt Hưng	684.000.000	528.000.000
Phải trả khác về các dự án	32.345.506.000	-
Phải trả, phải nộp khác	485.826.558	36.929.628
	<u>197.652.341.677</u>	<u>168.006.081.635</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ này	99.999.440.000	-	2.035.928.453	4.586.345.126	29.289.979.907	135.911.693.486
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	16.460.011.998	16.460.011.998
Phân phối lợi nhuận	-	-	7.579.575.331	1.540.288.292	(11.622.681.320)	(2.502.817.697)
Chi trả cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	(18.999.237.707)	(18.999.237.707)
Lợi nhuận tạm chia cho đối tác ⁽¹⁾	-	-	-	-	(413.919.749)	(413.919.749)
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	-	-	(1.634.001.487)	(1.634.001.487)
Số dư cuối kỳ này	99.999.440.000	-	9.615.503.784	6.126.633.418	13.080.151.642	128.821.728.844

(1) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ là số lợi nhuận phải trả đối tác theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án Khu nhà ở cao cấp và văn phòng cho thuê Golden Palace tại số 121 và 123 Tô Hiệu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

(2) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong kỳ là do Công ty điều chỉnh lại khoản tiền thuế Công ty đã kê khai và hạch toán miễn, giảm của quý IV năm 2008 và năm 2009 theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, tuy nhiên theo Công văn 15011/BTC-CST ngày 05/11/2010 của Bộ Tài chính thì Công ty không thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế theo quy định tại thông tư này .

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tập đoàn HUD	51.000.000.000	51,00%	51.000.000.000	51,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	48.999.440.000	49,00%	48.999.440.000	49,00%
	99.999.440.000	100,00%	99.999.440.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.999.440.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	99.999.440.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	99.999.440.000	50.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.944	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.999.944	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.944	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.944	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.615.503.784	2.035.928.453
Quỹ dự phòng tài chính	6.126.633.418	4.586.345.126
	15.742.137.202	6.622.273.579

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	166.065.165.136
Doanh thu hợp đồng xây dựng	115.551.030.285
Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	2.573.378.181
	284.189.573.602

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Giảm giá hàng bán	55.388.416
	55.388.416

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

19 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bất động sản	166.065.165.136
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	115.495.641.869
Doanh thu thuần cho thuê máy móc thiết bị	2.573.378.181
	284.134.185.186

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	139.913.608.771
Giá vốn hợp đồng xây dựng	107.407.166.929
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	538.424.790
	247.859.200.490

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	194.758.963
Cổ tức, lợi nhuận được chia	214.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.811.572.000
	2.220.530.963

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Chi phí tài chính khác	500.000.000
	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.175.459.382
	5.175.459.382

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	186.631.841	534.363.320
	186.631.841	534.363.320
		30/06/2011
		VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		280.273.555
		280.273.555

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	16.046.092.249
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.046.092.249
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.999.944
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.605

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Số 40 Lê Hồng Phong, Phường Hà Cầu,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

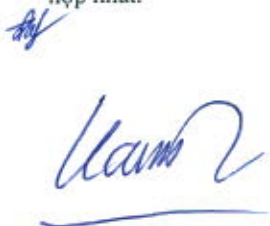
	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây lắp, cho thuê thiết bị	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	166.065.165.136	118.069.020.050	284.134.185.186
Lợi nhuận gộp	26.151.556.365	10.123.428.331	36.274.984.696
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	2.926.111.346	2.926.111.346
Tài sản bộ phận	269.488.091.743	388.903.623.708	658.391.715.451
Tài sản không phân bổ	-	-	87.743.698.558
Tổng tài sản			749.061.525.355
Nợ phải trả của các bộ phận	301.139.998.543	264.604.260.829	565.744.259.372
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	50.162.098.367
Tổng nợ phải trả			615.906.357.739

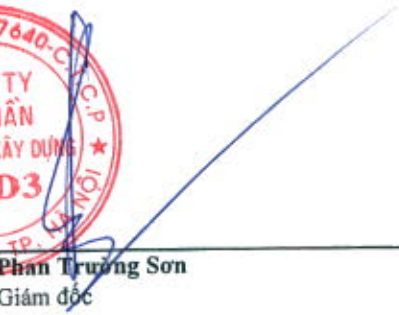
Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, số liệu này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Do 6 tháng đầu năm 2010, Công ty không thuộc đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất, vì vậy không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.


Lê Thị Lan
 Kế toán trưởng


Phan Trương Sơn
 Giám đốc

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2011